

Bản án số: 178/2023/HS-PT
Ngày: 28-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện M, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Mua bán thuốc tây; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1937 (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942; anh, chị em ruột có 3 người, lớn sinh năm 1967, nhỏ là bị cáo; có chồng tên Hoàng Trọng Q (đã ly hôn); con có một người tên Hoàng Trọng T2, sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2023 cho đến nay, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo không triệu tập: Người bị hại: Nguyễn Thị Đ; người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Hoàng Trọng T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/03/2020 bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 1064 diện tích 48m² và thửa 1065 diện tích 72m², loại đất ở

nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện M cho anh Hoàng Trọng T2 là con ruột bà H. Đến ngày 10/4/2020 ông Hoàng Trọng T2 được Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (gọi chung là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số phát hành CT564594 đối với thửa 1065 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 564593 đối với thửa 1064.

Vào khoảng năm 2020 vì muốn qua mặt gia đình, Nguyễn Thị H lên mạng Google đặt làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 5.000.000 đồng/01giấy và lấy thông tin thửa đất anh Hoàng Trọng T2 đã được cấp số phát hành CT 564594, thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 03, diện tích 72m²· loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã T. Sau đó, được một người thanh niên mặc đồ Shipper (không biết họ tên, địa chỉ, không nhớ biển kiểm soát xe) đến nhà Nguyễn Thị H giao hàng và nói với giá 5.000.000 đồng/01 giấy, lúc này H biết bên gói hàng là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã đặt mua trên mạng trước đó (01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị H và 01 giấy mang tên Hoàng Trọng T2) nên H lấy tiền trả cho người thanh niên giao hàng và cất giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này tại nhà.

Vào ngày 19/01/2023 vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, Nguyễn Thị H mang 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng giả số thửa đất 1065, tờ bản đồ số 03, diện tích 72m²· loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã T, số phát hành CT 564594 mang tên Nguyễn Thị H đến nhà của bà Nguyễn Thị Đ để vay 80.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất trên cho bà Đ, bà Đ tin tưởng là giấy thật nên đồng ý cho vay 80.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/tháng và thời hạn trả 02 tháng. Ngày 03/3/2023, bà Đ mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M kiểm tra thì được biết thông tin là giấy tờ giả. Do nghi ngờ đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 08/3/2023 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M ra văn bản đề nghị Cơ quan Công an huyện huyện M điều tra, xác minh làm rõ cùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT564594 tên Nguyễn Thị H, cấp ngày 10/4/2020.

Tại kết luận giám định số: 286/2023/KL-KTHS ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” mẫu in sẵn số CT564594 (mang tên Nguyễn Thị H) là giả.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bà H tự nguyện giao nộp thêm cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT 564594 tên Hoàng Trọng T2, sinh năm 1993, cấp ngày 10/4/2020. Bà H khai nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này do bà mua của một người trên mạng không rõ họ tên vào khoảng năm 2020 nhưng chưa sử dụng.

Tại kết luận giám định số: 515/2023/KL-KTHS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: “Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” mẫu in sẵn số CT564594 (mang tên Hoàng Trọng T2) là giả.

Trong quá trình điều bà Nguyễn Thị Đ có giao nộp 01 Biên nhận tiền không ghi ngày tháng năm và 01 Hợp đồng vay tài sản ngày 19/01/2023 giữa bà Đ với bà H.

Tại cáo trạng số 14/CT-VKSMH, ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An, đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho hai tội là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 02/10/2023 bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nguyễn Thị H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và hiện tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo có khó khăn, bị cáo đang chăm sóc cho mẹ già, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo 01 năm tù và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và xử phạt bị cáo 2 năm tù. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo có cung cấp có người thân là bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và điểm Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận: Lúc đầu vì muốn qua mặt người thân nên vào khoảng năm 2020 bị cáo Nguyễn Thị H lên mạng Google đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, mẫu in sẵn số phát hành CT 564594 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Hoàng Trọng T2 số CT 564594 ghi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/4/2020. Sau khi có được giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, ngày 19/01/2023 vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân bị cáo dùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Nguyễn Thị H số CT564594 thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 03, diện tích 72m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã T đến nhà bà Nguyễn Thị Đ để vay 80.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất trên cho bà Đ, bà Đ tưởng là giấy thật nên đồng ý cho vay 80.000.000 đồng với lãi suất 1.6%/tháng và thời hạn trả 02 tháng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị H có đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có mẹ ruột Nguyễn Thị Nhiên là người có công với Cách mạng. Nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H: Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu tài liệu được pháp luật quy định. Với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết là có bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng là tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Đối với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xét thấy, đối với hành vi bị cáo sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, thì bị cáo không có tình tiết bồi thường thiệt hại nên không có căn cứ để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo yêu cầu của bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phượng